TÒA ÁN NHÂN DÂN
**HUYỆN TIÊN LỮ**
**TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2024
"*Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đoàn Mạnh Quang
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Đình Hiển và bà Vũ Thị Toan
***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tiến Luật - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

***Nguyên đơn:*** Anh Bùi Duy Th, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn ĐX, xã CC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

***Bị đơn:*** Chị Bùi Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên Yên

*(Đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn là anh Bùi Duy Th trình bày: Anh và chị Bùi Thị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13/9/1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị M làm ăn thua lỗ ảnh hưởng rất nhiều tới kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Từ năm 2019 đến nay, anh và chị M đã sống ly thân, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng và chăm sóc cho nhau. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng với chị M không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Duy B, sinh năm 1996 và Bùi Duy Y, sinh năm 2005. Hiện tại các con của anh chị đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng cấy: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là chị Bùi Thị M thống nhất với nguyên đơn về thời điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị không đồng ý ly

hôn. Chị xác định hôn nhân giữa chị và anh Th đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhiều năm nay. Nguyên nhân là do chị làm ăn kinh tế không gặp may mắn, thua lỗ và vợ chồng không bảo được nhau nên xảy ra cãi vã, không còn tình cảm dành cho nhau. Đến năm 2019, chị không còn chung sống cùng với anh Th nữa. Trong suốt thời gian sống ly thân anh chị không ai quan tâm tới ai, kinh tế hoàn toàn độc lập và cuộc sống của ai người đó lo. Nay anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị không đồng ý vì vợ chồng và các con vẫn chưa thỏa thuận và giải quyết với nhau xong về tài sản. Nếu anh Th không đồng ý phân chia thì cũng phải có văn bản thỏa thuận giữa vợ chồng và các con về tài sản thì chị mới đồng ý ly hôn. Trong trường hợp anh Th vẫn cương quyết ly hôn với chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Duy B, sinh năm 1996 và Bùi Duy Y, sinh năm 2005. Hiện tại các con của anh chị đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng. Chị M có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng, đã được Tòa án thông báo, hướng dẫn về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phân chia tài sản nhưng chị không nộp với lý do nếu sau này vợ chồng không tự phân chia được thì để anh Th có đơn yêu cầu phân chia sau, **c**hị không đồng ý nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Toà án.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, đảm bảo đúng quy định. Những người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Bùi Duy Th được ly hôn chị Bùi Thị M. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Duy B, sinh năm 1996 và Bùi Duy Y, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Chưa xem xét giải quyết, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Bùi Duy Th yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị M có nơi thường trú tại thôn ĐX, xã CC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ hiện nay thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Nguyên, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Anh Bùi Duy Th và chị Bùi Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục chung và đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13/9/1996 theo giấy chứng nhận kết hôn số 22; quyển số 01. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Duy Th thấy: Anh chị đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do chị M làm ăn bị thua lỗ ảnh hưởng tới kinh tế gia đình. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân, anh chị không ai quan tâm tới ai, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng và chăm sóc cho nhau, kinh tế thì hoàn toàn độc lập. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được người thân, gia đình khuyên bảo nhưng không được. Qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp vợ chồng chị M anh Th đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, hiện tại vợ chồng không còn ở cùng với nhau. Anh Th xác định không còn tình cảm với chị M và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Chị M không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng chưa thỏa thuận được với nhau xong về tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị M xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong nhiều năm, anh chị đã sống ly thân với nhau trong một thời gian dài. Mặt khác, chị không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng chưa thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản trong khi chị lại không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí để Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chị cho rằng nếu sau này vợ chồng không tự phân chia được tài sản thì anh Th sẽ phải là người làm đơn yêu cầu phân chia. Điều này thể hiện việc chị M không đồng ý ly hôn không phải vì còn tỉnh cảm vợ chồng với anh Th để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình mà chủ yếu là để phân chia tài sản. Từ những phân tích trên cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Duy B, sinh năm 1996 và Bùi Duy Y, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công sức, nợ nần, ruộng cấy: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết. Bị đơn yêu cầu nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Toà án nên HĐXX chưa xem xét giải quyết trong vụ án này. Các bên

được quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung, công sức, nợ nần, ruộng cấy bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Các vấn đề khác: Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND huyện Tiên Lữ tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Duy Th được ly hôn chị Bùi Thị M.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con là Bùi Duy B, sinh năm 1996 và Bùi Duy Y, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần, ruộng cấy: HĐXX chưa xem xét giải quyết trong vụ án này. Các bên được quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung, công sức, nợ nần bằng vụ kiện khác

Về án phí: Anh Bùi Duy Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000543 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Anh Th đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- VKS huyện Tiên Lữ;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ:
- UBND xã CC (Đăng ký kết hôn số 22 ngày 13/9/1996)
- Lưu: Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đoàn Mạnh Quang**